

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59/2022/DS-ST**
Ngày: 31-5-2022
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Bảo Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Trần Phúc

Ông Lê Văn Lại

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 229/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46a/2022/QĐXX-ST ngày 22-4-2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trang Khánh H, sinh năm 1981; cư trú tại: Số 21, đường N, khu phố M, Phường H, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Chị Dương Thị Kiều N, sinh năm 1983, cư trú tại: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Đỗ Ngọc T, sinh năm 1979, cư trú tại: Số nhà 389, Tổ 1, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – chị Dương Thị Kiều N trình bày:

Bà Trang Khánh H và bà Đỗ Ngọc T có quan hệ quen biết nên bà H có cho bà T mượn tiền nhiều lần. Ngày 01-12-2018, bà H cho bà T mượn 58.000.000 đồng, có giấy mượn tiền do bà T viết. Đến ngày 04-3-2020, bà T mượn thêm 22.000.000 đồng, tổng cộng bà H cho bà T mượn là 80.000.000 đồng tiền nợ gốc. Bà H đòi tiền nhiều lần nhưng bà T hèn nhiều lần, không trả.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả cho bà H 80.000.000 đồng tiền nợ lãi theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà H là chị N rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà T trả tiền lãi.

Bị đơn – bà Đỗ Ngọc T đã được Tòa án niêm yết văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hồng, buộc bà T trả cho bà H tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng, ghi nhận bà H không yêu cầu Tòa án tính tiền lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bà H khởi kiện bà T yêu cầu trả 80.000.000 đồng nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự là có căn cứ.

[1.2] Bà T thường xuyên vắng nhà nên Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng cho bà T theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời đã triệu tập hợp lệ bà T nhiều lần theo địa chỉ bà T làm việc nhưng bà T vẫn vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T theo Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự và giải quyết vụ án dựa trên các tài liệu, chứng cứ thu thập được.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

[2] Bà H cho bà T mượn tiền và có viết giấy mượn tiền ghi ngày 01-12-2018, số tiền 58.000.000 đồng và giấy mượn tiền ghi ngày 04-3-2020, số tiền 22.000.000 đồng, tổng cộng là 80.000.000 đồng. Giấy mượn tiền ghi ngày 01-12-2018 không thỏa thuận thời hạn trả tiền, giấy mượn tiền ghi ngày 04-3-2020 ghi thời hạn trả tiền trong vòng 15 ngày. Các giấy mượn tiền đều có chữ ký, chữ viết mang tên “Đỗ Ngọc T”.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện; Thông báo về việc thu thập được các tài liệu chứng cứ là các Giấy mượn tiền nêu trên; Thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà T không có văn bản trình bày ý kiến nên xem như là bà T đồng ý, không phản đối các chứng cứ bà H cung cấp. Do đó các giấy mượn tiền ghi ngày 01-12-2018 và 04-3-2020 là chứng cứ không cần phải chứng

minh theo Điều 92 của BLTTDS. Do đó, có căn cứ cho rằng các hợp đồng vay tài sản giữa bà H và bà T là có thật, hợp đồng vay tiền ghi ngày 01-12-2018 là hợp đồng vay không kỳ hạn, hợp đồng vay tài sản ghi ngày 04-3-2020 là hợp đồng vay có kỳ hạn. Bà H yêu cầu bà T trả tiền nhiều lần nhưng bà T không thực hiện. Xét thấy, bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả tiền nợ gốc là 80.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo các Điều 463, 466, 469, 470 của Bộ luật Dân sự.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà H là chị N rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà T tính tiền lãi. Xét thấy, việc chị N rút yêu cầu tính tiền lãi là trong phạm vi đại diện, phù hợp sự tự nguyện của đương sự nên chấp nhận. Ghi nhận bà H không yêu cầu bà T trả tiền lãi.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà T phải chịu tiền án phí đối với phần yêu cầu bà H được chấp nhận là: 80.000.000 đồng x 5% = 4.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 469, 470 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trang Khánh H đối với bà Đỗ Ngọc T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Đỗ Ngọc T trả cho bà Trang Khánh H 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng. Ghi nhận bà H không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H không phải chịu tiền án phí. Hoàn trả cho bà H 2.000.000 (hai triệu) đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số: 0016826 ngày 22-10-2021, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tây Ninh.

Bà T phải chịu tiền án phí là 4.000.000 (bốn triệu) đồng.

3. Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi

hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.C;
- CCTHADS H.C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, tập án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Hồ Thị Bảo Ngọc